

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2025

“V/v tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hữu Tỷ và bà Nguyễn Thị Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà My – Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2025/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố N, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đình T chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (cũ) vào năm 2016, sau khi kết hôn chị và anh T sinh sống tại địa bàn xã Đ (cũ), quá trình sống chung đến năm 2019 cuộc sống vợ

chồng bình thường, về sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, năm 2023 anh T có hành vi đánh đập đối với chị T, giữa chị và anh T đã sống ly thân được hơn ba tháng nay. Nay chị T cảm thấy không thể kéo dài mối quan hệ hôn nhân với anh T, nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

Về con chung: Giữa chị và anh T chưa có con chung; trước khi kết hôn với anh T chị có 01 con riêng với chồng trước là Phạm Thị Bảo N, sinh ngày 17/8/2008, do cháu N là con riêng nên chị không yêu cầu, đề nghị gì với anh T.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh Nguyễn Đình T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị Thanh T vào năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (cũ), việc kết hôn là tự nguyện; quá trình sinh sống tại thôn N, xã Đ (cũ) cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên mức độ mâu thuẫn chưa trầm trọng dẫn đến phải ly hôn, nên việc chị T làm đơn yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý; hiện anh và chị T đã sống ly thân khoảng ba tháng nay.

Về con chung: Anh và chị T chưa có con chung; trước khi kết hôn chị T có 01 con riêng là Phạm Thị Bảo N, sinh năm 2008.

Tài sản chung: Anh và chị T có 01 căn nhà, một thửa đất tại Tổ dân phố N và 01 xe ô tô, do không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự tuân thủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh T, về quan hệ hôn nhân chị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T; về con chung; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị Thanh T và anh Nguyễn Đình T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp về ly hôn*"; các đương sự có hộ khẩu thường trú tại phường Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị Thanh T:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Nguyễn Đình T chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2016, tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (cũ). Quá trình sống chung, chị T xác nhận vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, về sau xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh T có hành vi đánh đập đối với chị. Anh T xác nhận, quá trình sống chung cuộc sống giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng dẫn đến ly hôn. Căn cứ vào chứng cứ do chị T cung cấp (các đoạn tin nhắn điện thoại) thể hiện anh T có những lời lẽ đe dọa, xúc phạm chị T, mặt khác hiện nay anh T và chị T đã sống ly thân. Xét mặc dù anh T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên thực tế mối quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thanh T và anh Nguyễn Đình T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị Thanh T đối với anh Nguyễn Đình T.

[2.2] *Về con chung:* Trong quá trình sống chung, chị T và anh T chưa có con chung; trước khi kết hôn chị T có 01 con riêng là Phạm Thị Bảo N, sinh năm 2008, căn cứ theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn, giao con riêng cho chị T nuôi dưỡng; chị T, anh T không yêu cầu gì về con nên không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị T và anh T đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Lâm Đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Đình T.

1.2. Về con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số 0005061, ngày 14/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Chị Hoàng Thị Thanh T đã nộp xong án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 6 – Lâm Đồng;
- Thi hành án DS tỉnh Lâm Đồng ;
- UBND xã E, C (nơi ĐKKH, số 59/2016);
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng

